



GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Số / No.: 36-26
(DAPHACO 01-2026)

Chứng nhận sản phẩm / This is to certify that: **CÁP CHỐNG CHÁY CÓ ĐIỆN ÁP DANH ĐỊNH ĐẾN VÀ BẰNG 0,6/1 kV** / FIRE RESISTANT CABLES OF RATED VOLTAGES UP TO AND INCLUDING 0,6/1 kV

Nhãn hiệu / Brand name: **LION**

Kiểu, loại / Types: Chi tiết trong Phụ lục Danh mục sản phẩm đính kèm theo Giấy chứng nhận / The details are provided in the Product List Annex attached to the Certificate

Được sản xuất bởi / Manufactured by:

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN DAPHACO
DAPHACO ELECTRIC CABLE CORPORATION

Địa chỉ / Address: **128 Đường Tân Thới Nhất 08, Phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam** / 128 Tan Thoi Nhat 08 Street, Dong Hung Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam.

Địa chỉ nơi sản xuất / Manufacturing address: **Lô HD1A, Đường số 3, Khu công nghiệp Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh** / Lot HD1A, Road No. 3, Xuyen A Industrial Park, Duc Lap Commune, Tay Ninh Province, Viet Nam.

Phù hợp với Tiêu chuẩn / Conforms to the standard:

IEC 60331-21:1999

Và được phép sử dụng dấu chứng nhận phù hợp của QUATEST3
APPROVED TO BEAR QUATEST3 PRODUCT CERTIFICATION MARKING

Phương thức chứng nhận / Certification scheme: **Phương thức 5 / Scheme 5**

(Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
(Circular No. 14/2026/TT-BKHCN dated April 09th 2026 of Ministry of Science and Technology)

Dấu chứng nhận
Mark of conformity

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC / VICE DIRECTOR



Lê Đăng Huyền

Giấy chứng nhận có hiệu lực từ ngày 28/8/2026 đến ngày 27/8/2029
Certificate remains valid from 28/8/2026 to 27/8/2029

Phụ lục / Annex

DANH MỤC SẢN PHẨM DÂY & CÁP ĐIỆN, NHÃN HIỆU: **LION**, ĐƯỢC CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN IEC 60331-21:1999 (Kèm theo Giấy chứng nhận số **36-26 (DAPHACO 01-2026)**, ngày 28/8/2026)

*LIST OF CERTIFIED **LION** ELECTRIC WIRE & CABLE PRODUCTS IN COMPLIANCE WITH THE STANDARD IEC 60331-21:1999 (Attached to Certificate No. **36-26 (DAPHACO 01-2026)**, dated 28/8/2026)*

TT No.	Tên sản phẩm Product name	Loại và ký hiệu Structure	Quy cách Dimensions / Size
1	Cáp chống cháy có điện áp danh định đến và bằng 0,6/1 kV (Category C). <i>Fire resistant cables of rated voltages up to and including 0,6/1 kV (Category C).</i>	CV/FR; CH/FR	Tiết diện danh định (mm ²) <i>Nominal cross-sectional area</i> 1.0; 1,5; 2,5; 4; 6; 10; 16; 25; 35; 50; 70; 95; 120; 150; 185; 240; 300; 400; 500.
2		CVV/FR; DVV/FR; CVV/DATA/FR; CVV/DSTA/FR CXV/FR; CXV/DATA/FR; CXV/DSTA/FR	
3		CXH/FR; CXH/DATA/FR; CXH/DSTA/FR	

- Hết / End -